

TTĐT

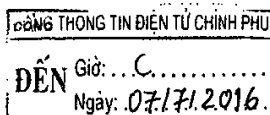
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 127/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư
nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước năm 2016
của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam**



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 81/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2015 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 11 năm 2015;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 3210/TTTr-BKHĐT ngày 28 tháng 4 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch đầu tư và danh mục dự án đầu tư vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước năm 2016 cho Bảo hiểm Xã hội Việt Nam tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Giao Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

1. Giao chi tiết danh mục dự án và mức vốn kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước năm 2016 của từng dự án nêu tại Điều 1 Quyết định này.

2. Chủ trì kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước năm 2016.

3. Báo cáo Chính phủ tình hình thực hiện 6 tháng và cả năm kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước năm 2016.

4. Chịu trách nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan thanh tra, kiểm toán về tính chính xác của các thông tin, số liệu và mức vốn phân bổ cho các dự án.

Điều 3. Giao Bảo hiểm Xã hội Việt Nam:

1. Thông báo cho các đơn vị danh mục và mức vốn kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước năm 2016 cho từng dự án nêu tại Điều 1 và khoản 1 Điều 2 Quyết định này và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 6 năm 2016.

2. Chỉ thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước khi có nguồn thu thực tế và không vượt quá tổng mức vốn được giao tại Quyết định này và số thu thực tế.

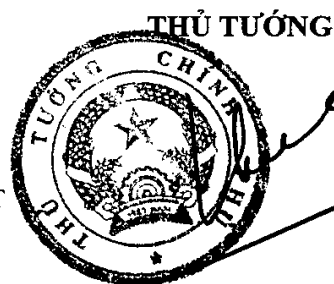
3. Định kỳ hàng quý gửi báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước năm 2016 về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Bộ trưởng các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Tổng Giám đốc Bảo hiểm Xã hội Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KTTH(3b), Mạnh. 50

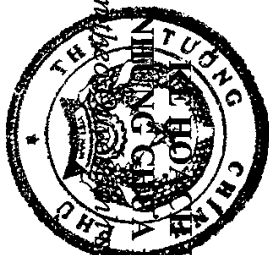


Nguyễn Xuân Phúc

Bảo hiểm Xã hội Việt Nam

Phụ lục I

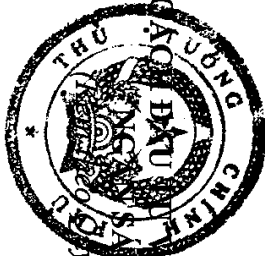
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN TỪ NGUỒN THU DẸ LẠI CHO ĐẦU TƯ
TIỀN SINH LỜI CỦA HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TỪ QUỸ BẢO HIỂM XÃ HỘI ĐƯỢC TRÍCH LẠI ĐỂ ĐẦU TƯ**
(Kèm theo Quyết định số 1277/QĐ-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)



Đơn vị: Triệu đồng

Nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước	Kế hoạch năm 2016
TỔNG SỐ	1.029.579
Tiền sinh lời của hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội được trích lại để đầu tư	1.029.579

Phụ lục II



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN THU ĐỂ LẠI CHO ĐẦU TƯ NHƯNG CHƯA ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI
SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2016 TỪ SỐ VỐN NĂM 2015 CHƯA SỬ DỤNG
(Quyết định số 1277/QĐ-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

Nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước năm 2015 chưa sử dụng		Kế hoạch năm 2016
TỔNG SỐ		148.275
Nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước năm 2015 chưa sử dụng		148.275



Bảo hiểm xã hội Việt Nam
Phụ lục III
DANH MỤC CÁC ĐẦU TƯ VỐN TỪ NGUỒN THU ĐỀ LẠI CHO ĐẦU TƯ NHƯNG CHƯA ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2016
Duyệt định số 1277/QĐ-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt				Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Trong đó vốn từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối NSNN	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			
1	2	3	4	5	6	7	8	
	TỔNG SỐ				6.969.208	6.969.208		
A	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ				1.400.000	1.400.000		
1	BHXXH tỉnh An Giang	An Giang	2017 - 2019		85.000	85.000		
2	BHXXH huyện Tân Thành	Bà Rịa - Vũng Tàu	2017 - 2018		19.000	19.000		
3	BHXXH huyện Côn Đảo	Bà Rịa - Vũng Tàu	2017 - 2018		19.000	19.000		
4	BHXXH huyện Long Điền	Bà Rịa - Vũng Tàu	2017 - 2018		19.000	19.000		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt			Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó vốn từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối NSNN	
1	2	3	4	5	6	7	8
5	BHXXH huyện Tân Yên	Bắc Giang	2017 - 2018		19.000	19.000	
6	BHXXH tỉnh Bạc Liêu	Bạc Liêu	2017 - 2019		60.000	60.000	
7	BHXXH thị xã An Nhơn	Bình Định	2017 - 2018		19.000	19.000	
8	BHXXH thị xã Thuận An	Bình Dương	2017 - 2018		21.000	21.000	
9	BHXXH huyện Đồng Phú	Bình Phước	2017 - 2018		19.000	19.000	
10	BHXXH huyện Bắc Bình	Bình Thuận	2017 - 2018		19.000	19.000	
11	BHXXH thành phố Cà Mau	Cà Mau	2017 - 2018		21.000	21.000	
12	Trung tâm dữ liệu Miền tại Đà Nẵng và trung tâm đào tạo nghiệp vụ ngành BHXXH	Đà Nẵng	2017 - 2019		280.000	280.000	
13	BHXXH quận Cẩm Lệ	Đà Nẵng	2017 - 2018		21.000	21.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt				Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Trong đó vốn từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối NSNN	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			
1	2	3	4	5	6	7	8	
14	BHXXH quận Hải Châu	Đà Nẵng	2017 - 2018		26.000		26.000	
15	BHXXH huyện Krông Ana	Đắk Lắk	2017 - 2018		19.000		19.000	
16	BHXXH huyện Cư Jút	Đắk Nông	2017 - 2018		19.000		19.000	
17	BHXXH huyện Nậm Pồ	Điện Biên	2017 - 2018		19.000		19.000	
18	BHXXH huyện Tân Phú	Đồng Nai	2017 - 2018		21.000		21.000	
19	BHXXH huyện Lắk Vò	Đồng Tháp	2017 - 2018		19.000		19.000	
20	BHXXH huyện Chư Prông	Gia Lai	2017 - 2018		19.000		19.000	
21	BHXXH huyện Cẩm Xuyên	Hà Tĩnh	2017 - 2018		21.000		21.000	
22	BHXXH huyện Hương Khê	Hà Tĩnh	2017 - 2018		21.000		21.000	
23	BHXXH tỉnh Hải Dương	Hải Dương	2017 - 2018		30.000		30.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt			Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối NSNN	
1	2	3	4	5	6	7	8
24	BHXXH huyện An Lão	Hải Phòng	2017 - 2018		19.000	19.000	
25	BHXXH quận Đồ Sơn	Hải Phòng	2017 - 2018		19.000	19.000	
26	BHXXH huyện Long Mỹ	Hậu Giang	2017 - 2018		19.000	19.000	
27	BHXXH huyện Tân Lạc	Hòa Bình	2017 - 2018		19.000	19.000	
28	BHXXH huyện Châu Thành	Kiên Giang	2017 - 2018		19.000	19.000	
29	BHXXH huyện Hà Tiên	Kiên Giang	2017 - 2018		19.000	19.000	
30	BHXXH huyện Đắk Tô	Kon Tum	2017 - 2018		19.000	19.000	
31	BHXXH huyện Đắk Glei	Kon Tum	2017 - 2018		19.000	19.000	
32	BHXXH huyện Thủ Thừa	Long An	2017 - 2018		19.000	19.000	
33	BHXXH huyện Tân Trụ	Long An	2017 - 2018		19.000	19.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt				Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Trong đó vốn từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối NSNN	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			
1	2	3	4	5	6	7	8	
34	BHXXH huyện Ý Yên	Nam Định	2017 - 2018		19.000		19.000	
35	BHXXH huyện Quỳ Châu	Nghệ An	2017 - 2018		19.000		19.000	
36	BHXXH huyện Nghi Lộc	Nghệ An	2017 - 2018		21.000		21.000	
37	BHXXH tỉnh Phú Yên	Phú Yên	2017 - 2019		75.000		75.000	
38	BHXXH thành phố Hội An	Quảng Nam	2017 - 2018		21.000		21.000	
39	BHXXH huyện Trà Bồng	Quảng Ngãi	2017 - 2018		19.000		19.000	
40	BHXXH thị xã Vĩnh Châu	Sóc Trăng	2017 - 2018		19.000		19.000	
41	BHXXH huyện Quỳnh Phụ	Thái Bình	2017 - 2018		21.000		21.000	
42	BHXXH huyện Định Hoá	Thái Nguyên	2017 - 2018		19.000		19.000	
43	BHXXH huyện Phú Lương	Thái Nguyên	2017 - 2018		19.000		19.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt			Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối NSNN	
1	2	3	4	5	6	7	8
44	BHXXH thành phố Huế	Thừa Thiên Huế	2017 - 2018		26.000		26.000
45	BHXXH huyện Quảng Điền	Thừa Thiên Huế	2017 - 2018		19.000		19.000
46	BHXXH huyện Phong Điền	Thừa Thiên Huế	2017 - 2018		19.000		19.000
47	BHXXH Quận Hai Bà Trưng, Quận Hoàn Kiếm	TP. Hà Nội	2017 - 2018		21.000		21.000
48	BHXXH huyện Cầu Ngang	Trà Vinh	2017 - 2018		19.000		19.000
49	BHXXH huyện Trà Cú	Trà Vinh	2017 - 2018		19.000		19.000
B	THỰC HIỆN DỰ ÁN				5.569.208		5.569.208
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2015				1.680.057		1.680.057

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt			Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối NSNN	
1	2	3	4	5	6	7	8
	Dự án nhóm B				703.969	703.969	
1	BHXXH tỉnh Cà Mau	Cà Mau	2012 - 2015	1210 ngày 13/11/2014	68.912	68.912	
2	BHXXH tỉnh Cao Bằng	Cao Bằng	2012 - 2014	892 ngày 28/08/2014	69.841	69.841	
3	BHXXH tỉnh Đồng Nai	Đồng Nai	2010 - 2013	440 ngày 11/5/2012	92.852	92.852	
4	BHXXH tỉnh Hà Giang	Hà Giang	2011 - 2013	1502 ngày 5/11/2012	58.549	58.549	
5	BHXXH tỉnh Kon Tum	Kon Tum	2010 - 2014	1768 ngày 25/12/2012	58.307	58.307	
6	BHXXH tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	2009 - 2011	1536 ngày 22/12/2011	44.444	44.444	
7	BHXXH tỉnh Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	2012 - 2015	1281 ngày 27/11/2014	90.313	90.313	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt				Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Trong đó vốn từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối NSNN	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			
1	2	3	4	5	6	7	8	
8	Phần mềm quản lý các hoạt động nghiệp vụ của ngành BHXH Việt Nam	TP. Hà Nội	2010 - 2012	1528 ngày 29/10/2010	91.053	91.053		
9	Trung tâm dữ liệu ngành và 3 đơn vị triển khai phần mềm quản lý các hoạt động nghiệp vụ của Ngành BHXH	TP. Hà Nội	2014 - 2014	1159 ngày 30/10/2013	82.825	82.825		
10	Trụ sở BHXH huyện Bình Chánh và kho lưu trữ hồ sơ của BHXH Tp Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	2012 - 2014	1244 ngày 31/10/2011	46.872	46.872		
	<i>Dự án nhóm C</i>				976.089	976.089		
1	BHXH TP Long Xuyên	An Giang	2012 - 2013	1121 ngày 26/10/2011	10.559	10.559		
2	BHXH thị xã Bà Rịa	Bà Rịa - Vũng Tàu	2012 - 2013	1210 ngày 31/10/2011	14.737	14.737		
3	BHXH huyện Đất Đỏ	Bà Rịa - Vũng Tàu	2010 - 2014	1405 ngày 23/12/2014	5.621	5.621		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt				Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Trong đó vốn từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối NSNN	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			
1	2	3	4	5	6	7	8	
4	BHXXH huyện Pắc Nặm	Bắc Kạn	2011 - 2012	1481 ngày 22/10/2010	8.634		8.634	
5	Cải tạo, mở rộng trụ sở BHXXH huyện Hoà Bình	Bạc Liêu	2012 - 2013	1216 ngày 31/10/2011	11.602		11.602	
6	BHXXH huyện Hoà Ân	Bình Định	2013 - 2014	1405 ngày 24/10/2012	10.267		10.267	
7	BHXXH thị xã Bến Cát	Bình Dương	2012 - 2013	1254 ngày 31/10/2011	14.471		14.471	
8	BHXXH huyện Hớn Quản	Bình Phước	2012 - 2013	1249 ngày 31/10/2011	13.243		13.243	
9	BHXXH huyện Bù Gia Mập	Bình Phước	2011 - 2013	1522 ngày 07/11/2012	11.496		11.496	
10	BHXXH huyện Hàm Thuận Nam	Bình Thuận	2012 - 2013	1212 ngày 31/10/2011	9.273		9.273	
11	BHXXH huyện Ngọc Hiển	Cà Mau	2012 - 2013	1226 ngày 31/10/2011	11.992		11.992	
12	BHXXH quận Bình Thủy	Cần Thơ	2013 - 2014	1421 ngày 25/10/2012	9.407		9.407	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt			Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối NSNN	
1	2	3	4	5	6	7	8
13	Cải tạo, mở rộng trụ sở BHXH huyện Hòa An	Cao Bằng	2012 - 2013	1230 ngày 31/10/2011	9.328	9.328	
14	BHXH huyện Trùng Khánh	Cao Bằng	2012 - 2015	1406 ngày 23/12/2014	16.754	16.754	
15	BHXH quận Liên Chiểu	Đà Nẵng	2012 - 2013	1213 ngày 31/10/2011	10.751	10.751	
16	BHXH huyện Eahleo	Đắk Lắk	2012 - 2014	1235 ngày 31/10/2011	10.086	10.086	
17	BHXH huyện Tuy Đức	Đắk Nông	2012 - 2013	1780 ngày 28/12/2012	12.896	12.896	
18	BHXH thị xã Mường Lay	Điện Biên	2011 - 2014	1180 ngày 07/11/2013	10.929	10.929	
19	BHXH huyện Điện Biên Đông	Điện Biên	2011 - 2013	1687 ngày 04/12/2012	12.951	12.951	
20	Trụ sở BHXH Tòa Chùa	Điện Biên	2014 - 2015	1149 ngày 29/10/2013	19.767	19.767	
21	Cải tạo, mở rộng trụ sở BHXH thị xã Long Khánh	Đồng Nai	2014 - 2016	931 ngày 11/09/2014	17.159	17.159	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt				Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Trong đó vốn từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối NSNN	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			
1	2	3	4	5	6	7	8	
22	BHXXH huyện Ayun Pa	Gia Lai	2010 - 2013	1612 ngày 23/11/2012	10.321		10.321	
23	BHXXH huyện An Khê	Gia Lai	2012 - 2013	1236 ngày 31/10/2011	13.033		13.033	
24	BHXXH huyện Chư Pưh	Gia Lai	2014 - 2016	917 ngày 08/09/2014	13.858		13.858	
25	BHXXH huyện Mèo Vạc	Hà Giang	2013 - 2014	1418 ngày 25/10/2012	7.059		7.059	
26	BHXXH huyện Thanh Hà	Hải Dương	2011 - 2013	1100 ngày 16/10/2013	10.380		10.380	
27	BHXXH quận Dương Kinh	Hải Phòng	2013 - 2014	385 ngày 24/04/2013	16.014		16.014	
28	BHXXH huyện Ngã Bảy	Hậu Giang	2013 - 2014	1404 ngày 24/10/2012	14.503		14.503	
29	Cải tạo, mở rộng trụ sở BHXXH tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên	2007 - 2012	600 ngày 20/6/2012	19.911		19.911	
30	Cải tạo, mở rộng trụ sở BHXXH huyện Khoái Châu	Hưng Yên	2010 - 2011	1298 ngày 30/10/2009	4.083		4.083	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt			Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối NSNN	
1	2	3	4	5	6	7	8
31	Cải tạo, mở rộng trụ sở BHXH huyện Tiên Lữ	Hưng Yên	2012 - 2015	1393 ngày 18/12/2014	15.028	15.028	
32	BHXH huyện Khánh Vĩnh	Khánh Hòa	2012 - 2013	1253 ngày 31/10/2011	9.289	9.289	
33	BHXH huyện U Minh Thượng	Kiên Giang	2012 - 2014	1240 ngày 31/10/2011	12.074	12.074	
34	BHXH huyện Giang Thành	Kiên Giang	2014 - 2015	1148 ngày 29/10/2013	14.961	14.961	
35	BHXH huyện Kon Rẫy	Kon Tum	2012 - 2013	1251 ngày 31/10/2011	10.320	10.320	
36	BHXH thị xã Lai Châu	Lai Châu	2010 - 2012	271 ngày 21/3/2011	10.087	10.087	
37	BHXH huyện Trảng Định	Lạng Sơn	2012 - 2014	1217 ngày 31/10/2011	8.708	8.708	
38	BHXH huyện Bảo Thắng	Lào Cai	2012 - 2013	1110 ngày 24/10/2011	10.514	10.514	
39	BHXH huyện Đức Hòa	Long An	2013 - 2014	1408 ngày 24/10/2012	10.101	10.101	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt			Ghi chú	
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối NSNN		
1	2	3	4	5	6	7	8	
40	BHXXH huyện Giao Thủy	Nam Định	2009 - 2010	1271 ngày 29/10/2009	6.752		6.752	
41	BHXXH huyện Mỹ Lộc	Nam Định	2008 - 2012	1063 ngày 14/10/2011	9.744		9.744	
42	BHXXH huyện Hải Hậu	Nam Định	2011 - 2012	1249 ngày 19/09/2012	9.078		9.078	
43	BHXXH huyện Vụ Bản	Nam Định	2012 - 2015	1439 ngày 30/12/2014	9.456		9.456	
44	Cải tạo, mở rộng trụ sở BHXXH huyện Tân Kỳ	Nghệ An	2012 - 2015	1072 ngày 20/10/2014	10.356		10.356	
45	BHXXH huyện Gia Viễn	Ninh Bình	2012 - 2013	1134 ngày 28/10/2011	9.902		9.902	
46	BHXXH huyện Kim Sơn	Ninh Bình	2013 - 2015	1342 ngày 05/12/2014	14.049		14.049	
47	BHXXH huyện Doan Hùng	Phú Thọ	2012 - 2014	294 ngày 7/4/2014	16.484		16.484	
48	BHXXH thành phố Việt Trì	Phú Thọ	2012 - 2013	1726 ngày 12/12/2012	15.677		15.677	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt				Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Trong đó vốn từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối NSNN	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			
1	2	3	4	5	6	7	8	
49	BHXXH huyện Đông Hòa	Phú Yên	2012 - 2014	397 ngày 26/04/2013	8.196	8.196		
50	BHXXH thị xã Sông Cầu	Phú Yên	2013 - 2014	1410 ngày 24/10/2012	11.722	11.722		
51	BHXXH huyện Quảng Trạch	Quảng Bình	2012 - 2013	604 ngày 21/06/2012	9.742	9.742		
52	BHXXH huyện Điện Bàn	Quảng Nam	2014 - 2015	1135 ngày 25/10/2013	14.955	14.955		
53	BHXXH KKT Dung Quất	Quảng Ngãi	2012 - 2013	605 ngày 21/06/2012	10.324	10.324		
54	BHXXH huyện Sơn Tây	Quảng Ngãi	2012 - 2014	1229 ngày 31/10/2011	11.413	11.413		
55	BHXXH huyện Lý Sơn	Quảng Ngãi	2014 - 2015	1132 ngày 24/10/2013	23.599	23.599		
56	BHXXH huyện Văn Đồn	Quảng Ninh	2012 - 2013	1420 ngày 25/10/2012	13.189	13.189		
57	BHXXH huyện Bình Liêu	Quảng Ninh	2013 - 2014	1419 ngày 25/10/2012	8.984	8.984		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt				Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Trong đó vốn từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối NSNN	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			
1	2	3	4	5	6	7	8	
58	BHXXH huyện Cam Lộ	Quảng Trị	2011 - 2013	209 ngày 22/02/2013	11.622		11.622	
59	BHXXH huyện Hướng Hóa	Quảng Trị	2011 - 2013	208 ngày 22/02/2013	9.275		9.275	
60	BHXXH huyện Châu Thành	Sóc Trăng	2013 - 2014	1398 ngày 23/10/2012	13.329		13.329	
61	BHXXH huyện Gò Dầu	Tây Ninh	2012 - 2013	1247 ngày 31/10/2011	10.471		10.471	
62	BHXXH huyện Bến Cầu	Tây Ninh	2011 - 2014	970 ngày 23/09/2014	8.374		8.374	
63	BHXXH huyện Đại Từ	Thái Nguyên	2012 - 2015	1438 ngày 30/12/2014	13.558		13.558	
64	BHXXH huyện Yên Định	Thanh Hóa	2012 - 2013	1243 ngày 31/10/2011	12.284		12.284	
65	Cải tạo, mở rộng trụ sở BHXXH huyện Phú Lộc	Thừa Thiên Huế	2012 - 2014	1044 ngày 30/09/2013	6.902		6.902	
66	BHXXH huyện Nam Đông	Thừa Thiên Huế	2013 - 2014	1394 ngày 23/10/2012	10.872		10.872	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt				Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Trong đó vốn từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối NSNN	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			
1	2	3	4	5	6	7	8	
67	BHXXH thị xã Hương Thủy	Thừa Thiên Huế	2012 - 2013	1214 ngày 31/10/2011	12.658	12.658		
68	BHXXH huyện Gò Công Tây	Tiền Giang	2013 - 2014	1399 ngày 23/10/2012	13.601	13.601		
69	Cải tạo, mở rộng trụ sở BHXXH huyện Phúc Thọ	TP. Hà Nội	2012 - 2013	1234 ngày 31/10/2011	13.436	13.436		
70	BHXXH huyện Mê Linh	TP. Hà Nội	2012 - 2015	1138 ngày 03/11/2014	11.987	11.987		
71	BHXXH huyện Thanh Trì	TP. Hà Nội	2012 - 2013	1233 ngày 31/10/2011	13.508	13.508		
72	Cải tạo, mở rộng trụ sở BHXXH huyện Mỹ Đức	TP. Hà Nội	2012 - 2014	1181 ngày 07/11/2013	14.933	14.933		
73	Cải tạo, mở rộng trụ sở BHXXH quận 8	TP. Hồ Chí Minh	2012 - 2014	1134 ngày 31/10/2014	10.904	10.904		
74	BHXXH quận Bình Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	2012 - 2014	1246 ngày 31/10/2011	20.406	20.406		
75	BHXXH quận Tân Bình	TP. Hồ Chí Minh	2013 - 2014	1741 ngày 18/12/2012	18.079	18.079		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt				Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Trong đó vốn từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối NSNN	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			
1	2	3	4	5	6	7	8	
76	BHXXH quận 3	TP. Hồ Chí Minh	2010 - 2014	1221 ngày 14/11/2014	10.997		10.997	
77	BHXXH huyện Yên Sơn	Tuyên Quang	2012 - 2013	775 ngày 24/07/2012	11.764		11.764	
78	BHXXH huyện Lâm Bình	Tuyên Quang	2014 - 2015	1153 ngày 30/10/2013	28.027		28.027	
79	BHXXH huyện Bình Tân	Vĩnh Long	2012 - 2013	1131 ngày 28/10/2011	9.554		9.554	
80	Cải tạo, mở rộng trụ sở BHXXH thị xã Phúc Yên	Vĩnh Phúc	2009 - 2010	456 ngày 21/04/2009	3.349		3.349	
81	BHXXH huyện Yên Lạc	Vĩnh Phúc	2012 - 2013	549 ngày 06/06/2012	10.410		10.410	
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2016				966.936		966.936	
	Dự án nhóm B				343.279		343.279	
1	BHXXH tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	Bà Rịa - Vũng Tàu	2012 - 2015	1220 ngày 31/10/2011	82.682		82.682	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt				Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Trong đó vốn từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối NSNN	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			
1	2	3	4	5	6	7	8	
2	Cải tạo, mở rộng trụ sở BHXH tỉnh Bình Phước	Bình Phước	2013 - 2015	1424 ngày 25/10/2012	67.493		67.493	
3	BHXH tỉnh Ninh Thuận	Ninh Thuận	2013 - 2016	924 ngày 22/8/2013	59.975		59.975	
4	Cải tạo, mở rộng trụ sở BHXH tỉnh Quảng Nam	Quảng Nam	2013 - 2016	1395 ngày 23/10/2012	69.291		69.291	
5	Cải tạo, mở rộng trụ sở BHXH tỉnh Thanh Hóa	Thanh Hóa	2012 - 2015	1241 ngày 31/10/2011	63.838		63.838	
	<i>Dự án nhóm C</i>				623.656		623.656	
1	BHXH huyện Giá Rai	Bạc Liêu	2015 - 2016	1107 ngày 28/10/2014	14.585		14.585	
2	BHXH huyện Mỏ Cày Bắc	Bến Tre	2014 - 2016	980 ngày 26/09/2014	14.506		14.506	
3	BHXH huyện Chợ Lách	Bến Tre	2015 - 2016	1060 ngày 17/10/2014	17.691		17.691	
4	BHXH huyện Bảo Lạc	Cao Bằng	2015 - 2016	1031 ngày 14/10/2014	22.745		22.745	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt				Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Trong đó vốn từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối NSNN	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			
1	2	3	4	5	6	7	8	
5	BHXXH huyện Nguyễn Bình	Cao Bằng	2015 - 2016	1078 ngày 22/10/2014	25.708		25.708	
6	BHXXH quận Sơn Trà	Đà Nẵng	2013 - 2015	1403 ngày 24/10/2012	17.840		17.840	
7	BHXXH huyện Mường Chà	Điện Biên	2015 - 2017	1089 ngày 24/10/2014	19.849		19.849	
8	BHXXH huyện Tuần Giáo	Điện Biên	2015 - 2017	1014 ngày 10/10/2014	20.454		20.454	
9	BHXXH huyện Krông Pa	Gia Lai	2015 - 2016	1040 ngày 15/10/2014	17.617		17.617	
10	BHXXH huyện Xin Mần	Hà Giang	2015 - 2016	1070 ngày 20/10/2014	12.382		12.382	
11	Cải tạo, mở rộng trụ sở BHXXH tỉnh Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	2015 - 2017	1063 ngày 17/10/2014	21.158		21.158	
12	BHXXH huyện Thạch Hà	Hà Tĩnh	2015 - 2017	1085 ngày 23/10/2014	21.032		21.032	
13	BHXXH huyện Gia Lộc	Hải Dương	2015 - 2016	1090 ngày 24/10/2014	13.690		13.690	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt			Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối NSNN	
1	2	3	4	5	6	7	8
14	BHXXH huyện Kim Thành	Hải Dương	2015 - 2017	1076 ngày 21/10/2014	18.465	18.465	
15	BHXXH huyện Lương Sơn	Hòa Bình	2013 - 2014	1411 ngày 24/10/2012	14.524	14.524	
16	BHXXH huyện Văn Giang	Hưng Yên	2015 - 2017	1045 ngày 16/10/2014	19.138	19.138	
17	BHXXH huyện Sìn Hồ	Lai Châu	2015 - 2016	1038 ngày 15/10/2014	10.551	10.551	
18	BHXXH TP Bảo Lộc	Lâm Đồng	2014 - 2016	936 ngày 11/09/2014	15.525	15.525	
19	Cải tạo, mở rộng trụ sở BHXH tỉnh Nghệ An	Nghệ An	2015 - 2017	1112 ngày 29/10/2014	28.849	28.849	
20	BHXXH thị xã Hoàng Mai	Nghệ An	2015 - 2016	1059 ngày 17/10/2014	12.705	12.705	
21	BHXXH TP. Vinh	Nghệ An	2015 - 2017	1115 ngày 30/10/2014	39.514	39.514	
22	BHXXH huyện Thuận Nam	Ninh Thuận	2014 - 2016	884 ngày 26/08/2014	15.408	15.408	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt			Ghi chú	
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối NSNN		
1	2	3	4	5	6	7	8	
23	BHXXH huyện Thanh Thủy	Phú Thọ	2015 - 2016	1091 ngày 24/10/2014	11.093		11.093	
24	BHXXH huyện Yên Lập	Phú Thọ	2015 - 2016	1098 ngày 27/10/2014	14.138		14.138	
25	BHXXH huyện Lệ Thủy	Quảng Bình	2014 - 2016	967 ngày 22/09/2014	14.257		14.257	
26	BHXXH huyện Trảng Bàng	Tây Ninh	2015 - 2017	1064 ngày 20/10/2014	34.822		34.822	
27	BHXXH quận Đống Đa	TP. Hà Nội	2014 - 2015	1152 ngày 30/10/2013	34.758		34.758	
28	BHXXH huyện Ba Vì	TP. Hà Nội	2015 - 2017	1106 ngày 28/10/2014	25.428		25.428	
29	BHXXH huyện Đan Phượng	TP. Hà Nội	2015 - 2017	1097 ngày 27/10/2014	25.987		25.987	
30	BHXXH huyện Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	2013 - 2015	1446 ngày 25/10/2012	35.687		35.687	
31	BHXXH huyện Na Hang	Tuyên Quang	2014 - 2016	933 ngày 11/09/2014	13.550		13.550	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt			Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối NSNN	
1	2	3	4	5	6	7	8
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016				2.407.368	2.407.368	
	Dự án nhóm B				1.623.987	1.623.987	
1	BHXXH tỉnh Bình Dương	Bình Dương	2014 - 2017	1140 ngày 29/10/2013	188.829	188.829	
2	BHXXH tỉnh Bình Thuận	Bình Thuận	2015 - 2017	1100 ngày 27/10/2014	116.807	116.807	
3	BHXXH thành phố Đà Nẵng	Đà Nẵng	2013 - 2016	1425 ngày 25/10/2012	159.975	159.975	
4	BHXXH tỉnh Đắk Lắk	Đắk Lắk	2015 - 2017	1073 ngày 20/10/2014	120.310	120.310	
5	BHXXH tỉnh Khánh Hòa	Khánh Hòa	2015 - 2017	1099 ngày 27/10/2014	130.959	130.959	
6	BHXXH tỉnh Kiên Giang	Kiên Giang	2012 - 2015	1239 ngày 31/10/2011	75.406	75.406	
7	BHXXH tỉnh Tây Ninh	Tây Ninh	2013 - 2016	1447 ngày 25/10/2012	104.028	104.028	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt			Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối NSNN	
1	2	3	4	5	6	7	8
8	Trụ sở làm việc các đơn vị trực thuộc BHXH VN tại khu hành chính mới quận Hà Đông	TP. Hà Nội	2014 - 2017	1036 ngày 15/10/2014	371.112	371.112	
9	Cải tạo, sửa chữa Trường Đào tạo Nghiệp vụ BHXH	TP. Hà Nội	2015 - 2017	1111 ngày 29/10/2014	49.926	49.926	
10	BHXXH tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long	2014 - 2016	1150 ngày 30/10/2013	111.843	111.843	
11	BHXXH tỉnh Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	2013 - 2016	1396 ngày 23/10/2012	93.924	93.924	
12	BHXXH tỉnh Yên Bái	Yên Bái	2013 - 2017	791 ngày 17/07/2013	100.868	100.868	
	Dự án nhóm C				783.381	783.381	
1	BHXXH huyện Hiệp Hòa	Bắc Giang	2015 - 2017	1092 ngày 24/10/2014	18.680	18.680	
2	BHXXH huyện Ngân Sơn	Bắc Kạn	2015 - 2016	1077 ngày 21/10/2014	18.000	18.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt			Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối NSNN	
1	2	3	4	5	6	7	8
3	BHXXH huyện Hoài Nhơn	Bình Định	2015 - 2017	1113 ngày 29/10/2014	24.355	24.355	
4	BHXXH huyện Trần Văn Thời	Cà Mau	2015 - 2017	1030 ngày 14/10/2014	24.586	24.586	
5	BHXXH huyện Cờ Đỏ	Cần Thơ	2015 - 2017	1028 ngày 14/10/2014	18.920	18.920	
6	BHXXH quận Ninh Kiều	Cần Thơ	2015 - 2017	1029 ngày 14/10/2014	23.400	23.400	
7	BHXXH huyện Krông Búk	Đắk Lắk	2014 - 2016	929 ngày 10/09/2014	17.207	17.207	
8	BHXXH huyện Hồng Ngự	Đồng Tháp	2014 - 2015	1095 ngày 24/10/2014	14.297	14.297	
9	BHXXH huyện Vị Xuyên	Hà Giang	2015 - 2017	1044 ngày 16/10/2014	17.511	17.511	
10	BHXXH huyện Lý Nhân	Hà Nam	2015 - 2017	1053 ngày 16/10/2014	26.869	26.869	
11	BHXXH quận Lê Chân	Hải Phòng	2015 - 2017	1065 ngày 20/10/2014	33.873	33.873	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt			Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối NSNN	
1	2	3	4	5	6	7	8
12	BHXXH huyện Yên Thủy	Hòa Bình	2015 - 2017	1079 ngày 22/10/2014	20.110		20.110
13	Cải tạo, mở rộng trụ sở BHXXH huyện Văn Lâm	Hưng Yên	2015 - 2017	1080 ngày 22/10/2014	22.020		22.020
14	BHXXH huyện Ân Thi	Hưng Yên	2015 - 2017	1081 ngày 22/10/2014	27.205		27.205
15	BHXXH huyện Đăk Hà	Kon Tum	2015 - 2017	1037 ngày 15/10/2014	21.246		21.246
16	BHXXH huyện Lạc Dương	Lâm Đồng	2015 - 2017	1032 ngày 14/10/2014	16.691		16.691
17	BHXXH huyện Lộc Bình	Lạng Sơn	2015 - 2017	1041 ngày 15/10/2014	17.334		17.334
18	BHXXH huyện Bát Xát	Lào Cai	2015 - 2017	1087 ngày 23/10/2014	18.325		18.325
19	BHXXH huyện Cần Đước	Long An	2015 - 2017	1056 ngày 16/10/2014	19.920		19.920
20	BHXXH huyện Bến Lức	Long An	2015 - 2017	1057 ngày 16/10/2014	18.814		18.814

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt			Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối NSNN	
1	2	3	4	5	6	7	8
21	BHXXH huyện Xuân Trường	Nam Định	2015 - 2017	1055 ngày 16/10/2014	17.232	17.232	
22	BHXXH huyện Nghĩa Hưng	Nam Định	2015 - 2017	1020 ngày 13/10/2014	17.543	17.543	
23	BHXXH thị xã Tam Điệp	Ninh Bình	2015 - 2017	1086 ngày 23/10/2014	18.267	18.267	
24	BHXXH thành phố Tam Kỳ	Quảng Nam	2015 - 2017	1093 ngày 24/10/2014	25.044	25.044	
25	BHXXH huyện đảo Cô Tô	Quảng Ninh	2015 - 2017	1061 ngày 17/10/2014	23.179	23.179	
26	BHXXH huyện Đông Triều	Quảng Ninh	2015 - 2017	1088 ngày 23/10/2014	37.910	37.910	
27	BHXXH thành phố Sơn La	Sơn La	2015 - 2017	1054 ngày 16/10/2014	30.350	30.350	
28	BHXXH huyện Tiền Hải	Thái Bình	2015 - 2017	1039 ngày 15/10/2014	16.771	16.771	
29	BHXXH huyện Phú Bình	Thái Nguyên	2015 - 2016	1062 ngày 17/10/2014	17.751	17.751	

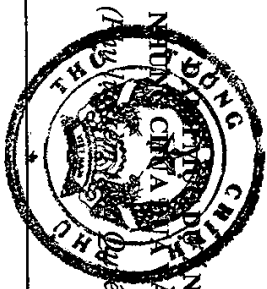
TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt				Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Trong đó vốn từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối NSNN	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			
1	2	3	4	5	6	7	8	
30	BHXXH huyện Như Xuân	Thanh Hóa	2015 - 2017	1110 ngày 29/10/2014	18.628		18.628	
31	BHXXH huyện Hương Trà	Thừa Thiên Huế	2015 - 2017	1052 ngày 16/10/2014	17.844		17.844	
32	BHXXH quận 7	TP. Hồ Chí Minh	2013 - 2015	1448 ngày 25/10/2012	41.138		41.138	
33	BHXXH huyện Cầu Kè	Trà Vinh	2015 - 2017	1071 ngày 20/10/2014	15.566		15.566	
34	BHXXH TP Tuyên Quang	Tuyên Quang	2015 - 2017	1069 ngày 20/10/2014	31.784		31.784	
35	BHXXH huyện Tam Bình	Vĩnh Long	2015 - 2017	1082 ngày 22/10/2014	15.185		15.185	
36	BHXXH huyện Sông Lô	Vĩnh Phúc	2015 - 2017	1114 ngày 29/10/2014	19.826		19.826	
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2016				514.847		514.847	
	Dự án nhóm C				514.847		514.847	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt			Ghi chú
				TMĐT			
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối NSNN	
1	2	3	4	5	6	7	8
1	BHXXH huyện Châu Đức	Bà Rịa - VT	2016 - 2018	1576 ngày 31/12/2015	17.445	17.445	
2	BHXXH huyện Yên Phong	Bắc Ninh	2016 - 2018	1154 ngày 23/10/2015	18.822	18.822	
3	BHXXH huyện Châu Thành	Bến Tre	2015 - 2017	1009 ngày 29/09/2015	17.809	17.809	
4	BHXXH huyện Giồng Trôm	Bến Tre	2016 - 2018	1578 ngày 31/12/2015	18.265	18.265	
5	BHXXH huyện Bù Đăng	Bình Phước	2016 - 2017	1577 ngày 31/12/2015	18.770	18.770	
6	BHXXH huyện Lộc Ninh	Bình Phước	2016 - 2017	189 ngày 17/02/2016	17.167	17.167	
7	BHXXH huyện Ea Kar	Đắk Lắk	2016 - 2017	340 ngày 04/3/2016	17.674	17.674	
8	BHXXH huyện Đức Cơ	Gia Lai	2016 - 2017	1242 ngày 29/10/2015	18.763	18.763	
9	BHXXH huyện Yên Minh	Hà Giang	2016 - 2017	1204 ngày 26/10/2015	17.776	17.776	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt				Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Trong đó vốn từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối NSNN	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			
1	2	3	4	5	6	7	8	
10	BHXXH huyện Vạn Ninh	Khánh Hòa	2016 - 2018	1227 ngày 29/10/2015	18.085		18.085	
11	BHXXH huyện Kiên Hải	Kiên Giang	2016 - 2018	1580 ngày 31/12/2015	18.598		18.598	
12	BHXXH huyện Nậm Nhùn	Lai Châu	2016 - 2017	1581 ngày 31/12/2015	17.405		17.405	
13	BHXXH huyện Quỳ Hợp	Nghệ An	2016 - 2017	1228 ngày 29/10/2015	17.070		17.070	
14	BHXXH huyện Yên Khánh	Ninh Bình	2016 - 2018	439 ngày 28/3/2016	19.107		19.107	
15	BHXXH huyện Ninh Sơn	Ninh Thuận	2016 - 2017	1252 ngày 30/10/2015	15.433		15.433	
16	BHXXH huyện Sơn Hòa	Phú Yên	2016 - 2017	1161 ngày 23/10/2015	9.514		9.514	
17	BHXXH huyện Đồng Xuân	Phú Yên	2016 - 2017	280 ngày 24/02/2016	10.591		10.591	
18	BHXXH huyện Quảng Trạch	Quảng Bình	2015 - 2017	1583 ngày 31/12/2015	20.531		20.531	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt			Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối NSNN	
1	2	3	4	5	6	7	8
19	BHXXH huyện Gio Linh	Quảng Trị	2015 - 2017	1586 ngày 31/12/2015	18.465	18.465	
20	BHXXH huyện Hải Lăng	Quảng Trị	2016 - 2018	271 ngày 23/02/2016	18.293	18.293	
21	BHXXH huyện Mộc Châu	Sơn La	2016 - 2017	1241 ngày 29/10/2015	17.023	17.023	
22	BHXXH huyện Vũ Thư	Thái Bình	2015 - 2017	1584 ngày 31/12/2015	15.729	15.729	
23	BHXXH huyện Tĩnh Gia	Thanh Hóa	2015 - 2017	1588 ngày 31/12/2015	17.381	17.381	
24	BHXXH huyện Thạch Thất	TP. Hà Nội	2016 - 2018	74 ngày 19/01/2016	20.830	20.830	
25	BHXXH huyện Cần Giờ	TP. Hồ Chí Minh	2015 - 2017	1027 ngày 30/9/2015	21.989	21.989	
26	Trụ sở Đại diện văn phòng BHXXH Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	2016 - 2018	76 ngày 19/01/2016	40.496	40.496	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt				Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Trong đó vốn từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối NSNN	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			
1	2	3	4	5	6	7	8	
27	BHXXH huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	2016 - 2018	1454 ngày 27/11/2015	17.931		17.931	
28	BHXXH huyện Lục Yên	Yên Bái	2015 - 2017	1222 ngày 29/10/2015	17.885		17.885	



Phụ lục IV

QUY ĐỊNH VỀ VIỆC BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN TỪ NGUỒN THU ĐỀ LẠI CHO ĐẦU TƯ
NHÀO CÁN ĐỐI NSNN NĂM 2015 (PHẦN BỐ SUNG) BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM
(Quyết định số 1277/QĐ-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt			Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối NSNN	
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ				370.689	370.689	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN				370.689	370.689	
	Các dự án khởi công mới năm 2016				370.689	370.689	
	Dự án nhóm C				370.689	370.689	
1	BHXXH huyện Châu Đức	Bà Rịa - VT	2016 - 2018	1576 ngày 31/12/2015	17.445	17.445	
2	BHXXH huyện Yên Phong	Bắc Ninh	2016 - 2018	1154 ngày 23/10/2015	18.822	18.822	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) đã được cấp cơ thẩm quyền phê duyệt			Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối NSNN	
3	BHXXH huyện Châu Thành	Bến Tre	2015 - 2017	1009 ngày 29/09/2015	17.809	17.809	
4	BHXXH huyện Giồng Trôm	Bến Tre	2016 - 2018	1578 ngày 31/12/2015	18.265	18.265	
5	BHXXH huyện Bù Đăng	Bình Phước	2016 - 2017	1577 ngày 31/12/2015	18.770	18.770	
6	BHXXH huyện Đức Cơ	Gia Lai	2016 - 2017	1242 ngày 29/10/2015	18.763	18.763	
7	BHXXH huyện Yên Minh	Hà Giang	2016 - 2017	1204 ngày 26/10/2015	17.776	17.776	
8	BHXXH huyện Vạn Ninh	Khánh Hòa	2016 - 2018	1227 ngày 29/10/2015	18.085	18.085	
9	BHXXH huyện Kiên Hải	Kiên Giang	2016 - 2018	1580 ngày 31/12/2015	18.598	18.598	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt			Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối NSNN	
10	BHXXH huyện Nậm Nhùn	Lai Châu	2016 - 2017	1581 ngày 31/12/2015	17.405	17.405	
11	BHXXH huyện Quỳ Hợp	Nghệ An	2016 - 2017	1228 ngày 29/10/2015	17.070	17.070	
12	BHXXH huyện Ninh Sơn	Ninh Thuận	2016 - 2017	1252 ngày 30/10/2015	15.433	15.433	
13	BHXXH huyện Sơn Hòa	Phú Yên	2016 - 2017	1161 ngày 23/10/2015	9.514	9.514	
14	BHXXH huyện Quảng Trạch	Quảng Bình	2015 - 2017	1583 ngày 31/12/2015	20.531	20.531	
15	BHXXH huyện Gio Linh	Quảng Trị	2015 - 2017	1586 ngày 31/12/2015	18.465	18.465	
16	BHXXH huyện Mộc Châu	Sơn La	2016 - 2017	1241 ngày 29/10/2015	17.023	17.023	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt			Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối NSNN	
17	BHXX huyện Vũ Thư	Thái Bình	2015 - 2017	1584 ngày 31/12/2015	15.729	15.729	
18	BHXX huyện Tĩnh Gia	Thanh Hóa	2015 - 2017	1588 ngày 31/12/2015	17.381	17.381	
19	BHXX huyện Càn Giò	TP. Hồ Chí Minh	2015 - 2017	1027 ngày 30/9/2015	21.989	21.989	
20	BHXX huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	2016 - 2018	1454 ngày 27/11/2015	17.931	17.931	
21	BHXX huyện Lục Yên	Yên Bái	2015 - 2017	1222 ngày 29/10/2015	17.885	17.885	